

Tạo điều kiện và khuyến khích đảng viên làm kinh tế tư nhân và trở thành doanh nhân khu vực kinh tế tư nhân không có nghĩa là không có ranh giới gì với tư cách lãnh đạo và quản lý khi được Đảng và Nhà nước chọn lựa bổ sung vào hệ thống nhân sự của tổ chức Đảng và Nhà nước. Ranh giới đó được xử lý bằng quy chế công chức và quy định của hệ thống tổ chức lãnh đạo của Đảng.

người đại diện và giữ vai trò lớn nhất, toàn diện nhất, trong việc thực thi thực quyền đó của doanh nghiệp bằng chính tài năng và trí tuệ của họ.

Một số khía cạnh lý thuyết có thể cho chúng ta vững tin về kết luận đó là:

1. Sự thỏa hiệp và đồng thuận xã hội ngày càng được mở rộng và nâng cao trong môi trường chính trị - xã hội căn bản đặt trên nền tảng Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, được thể chế hóa bằng luật pháp, đã tạo nên những nét tương đồng, mang tính xã hội hóa cao trong thực quyền của chủ thể kinh doanh và tạo những nét mới trong bản chất của doanh nhân.

điều kiện phát triển làm cho doanh nhân có văn hóa trong kinh doanh hơn.

- Doanh nhân là người đại diện cao nhất, đầy đủ và toàn diện nhất của thực quyền kinh doanh của doanh nghiệp, chứ không phải chỉ đại diện cho cái quyền của chủ sở hữu như những thời kỳ xa xưa trước đây.

2. Không phải là đất đai, tiền vốn mà là tri thức mới là yếu tố đóng vai trò quyết định sự thành đạt của kinh tế nói chung và sản xuất kinh doanh nói riêng. Theo đó, con đường phát triển thành đạt của tầng lớp doanh nhân mới là con đường hướng tới chiếm lĩnh tri thức, chứ không phải là nắm lấy đặc quyền từ sự ban cho của sở hữu đất đai và tiền vốn.

- Trong nền kinh tế của xã hội nông nghiệp truyền thống, đất đai là yếu tố quyết định sự phát triển. Đất quan trọng như vậy, nhưng có hạn, nên ai chiếm hữu được đất thì chi phối được sản xuất và chi phối những người khác không có đất. Do đó, quyền sở hữu đất cũng chi phối gần như tuyệt đối các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và doanh nhân.

- Cũng tương tự như vậy trong nền kinh tế "tư bản" đứng với cái nghĩa của từ ngữ này là "vốn". Vốn rất quan trọng nhưng cũng có hạn, nên ai nắm được vốn chi phối được sản xuất, và chi phối người khác không có hoặc có ít vốn. Do đó quyền sở hữu vốn chi phối mạnh mẽ các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và doanh nhân.

- Ngày nay trong xu thế phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng của tri thức và chuyển giao tri thức nên yếu tố quyết định sự thành đạt của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và doanh nhân là tri thức mới chứ không phải là vốn đất, vốn tiền. Tri thức mới với những sáng kiến, phát minh ngày càng nhiều và được nhanh chóng ứng dụng vào đổi mới công nghệ kỹ thuật và quản lý sản xuất kinh doanh. Quỹ đất và tiền vốn ít có khả năng chia sẻ, nên mới có sự độc quyền và lộng quyền của những ai chiếm hữu được đất đai, tiền vốn. Còn tri thức thì có khả năng phát triển vô hạn, có thể chia sẻ cho nhau để nhiều người có tri thức mà không làm mất tri thức của ai hết. Sự phát triển và lan tỏa, mở rộng phạm vi ảnh hưởng của tri thức như vậy đó, sẽ từng bước tạo khả năng loại bỏ sự chia

DOANH NHÂN VÀ VẤN ĐỀ BÓC LỘT

PGS. ĐÀO CÔNG TIẾN

Doanh nhân trong khu vực kinh tế tư nhân

Doanh nhân có thể hiểu là người trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Để làm công việc đó, doanh nhân gắn với thực quyền kinh doanh của doanh nghiệp ở hai dạng bối cảnh khác nhau:

- Là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu tài sản của doanh nghiệp kiêm luôn việc trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Không phải là chủ sở hữu, nhưng được chủ sở hữu giao cho quyền sử dụng tài sản và trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong kinh tế thị trường định hướng XHCN, mặc dù hoạt động trong hai bối cảnh còn có khía cạnh khác nhau đó, nhưng cái chung nhất, bản chất nhất của doanh nhân vẫn không khác - đó là gắn với thực quyền của chủ thể kinh doanh - doanh nhân là

- Thực quyền kinh doanh của doanh nghiệp không phải được hình thành chủ yếu bởi sự chi phối của quyền sở hữu, tài sản, mà chủ yếu bằng sự tác động của môi trường chính trị, xã hội, bằng quyền của con người ("quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc") trong sự thỏa hiệp và đồng thuận xã hội cao.

- Với xu thế của đa dạng hóa sở hữu và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, nhất là sự mở rộng khu vực kinh tế hỗn hợp, trong đó có sự đan xen, pha loãng quyền lực của từng chủ sở hữu trong hợp quyền của đồng chủ sở hữu. Vị trí và mối quan hệ giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng các yếu tố sản xuất đã có sự thay đổi, hoán vị theo hướng nâng quyền sử dụng gắn với thực quyền kinh doanh của doanh nghiệp và doanh nhân.

- Văn hóa với tư cách là mục đích, nguồn động lực và là hệ điều tiết của kinh doanh được khuyến khích và tạo

rẽ và đối kháng trong cộng đồng người, theo đó hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và doanh nhân cũng thay đổi về chất. Không có cách nào khác cho tầng lớp doanh nhân mới là phải nắm lấy tri thức, có tri thức mới quy tụ và phát huy được nguồn lực cộng đồng, mới thành đạt trong kinh doanh. Sẽ không còn đất cho những ai chỉ biết có việc chiếm hữu tài sản và thái quá trong việc sử dụng uy quyền từ sự sở hữu đó trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Ngày nay với những thành tựu khoa học và công nghệ đã đưa lực lượng sản xuất lên một trình độ phát triển mới cùng với xã hội hóa sản xuất ngày càng phát triển, đã làm thay đổi sự cấu thành các yếu tố sản xuất và phân phối so với trước. Sự cấu thành mới cho thấy quan hệ giữa sản xuất và phân phối về mặt lý thuyết có thể diễn ra trong sự tương đồng giữa sự đóng góp và thụ hưởng. "Quyền uy tư hữu tài sản" không phải lúc nào cũng lũng đoạn được phân phối và đưa phân phối vào những quan hệ bóc lột. Doanh nhân khu vực kinh tế tư nhân với trường hợp vừa là chủ sở hữu tài sản vừa là người trực tiếp điều hành sản xuất kinh doanh không phải lúc nào cũng là người bóc lột. Doanh nhân không đồng nghĩa với tư sản - nhân tố hợp thành giai cấp bóc lột.

Từ những phân tích trên có thể cho chúng ta đi đến kết luận là, doanh nhân trong khu vực kinh tế tư nhân hoặc có yếu tố sở hữu tư, cũng như doanh nhân trong các khu vực kinh tế khác đều là những nhà quản trị kinh doanh bằng chính lao động, nhất là lao động trí tuệ của họ. Doanh nhân là người đại diện thực quyền của chủ thể kinh doanh và trực tiếp thực thi thực quyền đó trong khuôn khổ luật pháp. Doanh nhân xứng đáng và cần thiết được đứng trong hàng ngũ của bộ phận vượt trội trong cộng đồng dân tộc - doanh nhân, tầng lớp trí thức và những nhà lãnh đạo quản lý đất nước.

Vấn đề bóc lột trong sản xuất và phân phối giá trị thặng dư

Bóc lột như chúng ta đã từng hiểu và không chấp nhận, là hành vi xấu, là bất công trong quan hệ phân chia và thụ hưởng thành quả lao động giữa người với người. Trong quan hệ đó có những kẻ sống, thậm chí sống một cách sang giàu, từ những khoản thu nhập

không phải bằng thành quả lao động của mình, mà bằng tước đoạt thành quả của những người khác; theo đó có những người không được thụ hưởng một cách trọn vẹn thành quả lao động của chính mình, bởi bị người khác tước đoạt, phải sống thua kém và nghèo khổ. Đó là kẻ bóc lột và người bị bóc lột.

Hiện tượng bóc lột tồn tại trong nhiều chế độ xã hội khác nhau bởi sự phân bố quyền lực xã hội cùng với cách tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm, nhất là cách sản xuất và phân phối sản phẩm thặng dư trong những phương thức sản xuất và cách quản lý xã hội thiếu sự hoàn thiện.

Theo C.Mác, bóc lột dưới xã hội tư bản thực chất là quan hệ bóc lột giữa chủ tư bản với lao động làm thuê. Quan hệ đó diễn ra trong sản xuất và phân phối giá trị thặng dư. Giá trị thặng dư do lao động của giới lao động làm thuê sáng tạo ra. Giá trị thặng dư đó bị giới chủ tư bản chiếm không công để thỏa mãn nhu cầu cá nhân và để tích lũy tư bản. Bóc lột không dừng lại trong quan hệ giữa chủ tư bản với lao động làm thuê trong phạm vi doanh nghiệp, mà còn mở rộng ra giữa toàn bộ giới chủ tư bản - giai cấp tư sản với toàn bộ các tầng lớp lao động làm thuê - giai cấp vô sản, trên phạm vi toàn xã hội, trong một quốc gia và cả trong quan hệ quốc tế. Việc sản xuất và phân phối giá trị thặng dư như vậy chi phối toàn bộ sự vận động của phương thức sản xuất tư bản vừa tạo động lực phát triển (vì giá trị thặng dư nên chủ tư bản đầu tư vào sản xuất), vừa tạo sự bất công xã hội không thể chấp nhận được.

Kết luận đó của C.Mác có cơ sở xuất phát từ những luận điểm sau đây:

- Tài sản và tiền vốn của chủ tư bản không tạo ra giá trị thặng dư. Chủ tư bản cũng không bỏ sức lao động của mình vào quá trình sản xuất, nên cũng không tạo ra giá trị thặng dư. Giá trị thặng dư là thành quả duy nhất được sáng tạo ra từ sức lao động của giới lao động làm thuê. Do đó thu nhập mà chủ tư bản có được từ phân phối giá trị thặng dư là cái tước đoạt của người lao động.

- Giá trị thặng dư chủ tư bản chiếm được, ngoài phần để tiêu dùng cho cá nhân và để tích lũy tư bản, còn có phần chia cho nhà nước dưới hình thức thuế. Với sự chi phối gần như tuyệt đối của

giới chủ tư bản trong đời sống kinh tế xã hội đương thời, họ chi phối cả bộ máy quyền lực nhà nước và biến nhà nước thành nhà nước của giai cấp tư sản. Do đó phần giá trị thặng dư mà giới chủ tư bản chia cho nhà nước dưới hình thức thuế, thực chất cũng là của giới chủ và vì giới chủ tư bản. Do đó kết luận toàn bộ giai cấp tư sản chiếm đoạt toàn bộ giá trị thặng dư của giới lao động làm thuê cũng có cơ sở thực tế của nó.

Trong kinh tế thị trường hiện đại, với sức mạnh văn hóa và vai trò của nhà nước theo định hướng XHCN, nhất là trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta, để vận dụng kết luận trên của C.Mác cần đi sâu làm rõ một số điểm về nguồn sáng tạo ra giá trị thặng dư và phân phối giá trị thặng dư:

• Trong kinh tế thị trường hiện đại với sự phát triển cao của lực lượng sản xuất và xã hội hóa sản xuất, sự cấu thành các nguồn sức lao động của quá trình sản xuất và sản xuất ra giá trị thặng dư đã có sự thay đổi theo chiều hướng:

- Quá trình sản xuất không chỉ đòi hỏi sức lao động thể lực để làm những công việc giản đơn, mà còn đòi hỏi và đòi hỏi ngày càng nhiều sức lao động trí lực để làm những công việc phức tạp. Điều đó đã tạo ra nhu cầu thực sự, tạo sức cuốn hút mạnh mẽ các chuyên gia khoa học kỹ thuật-công nghệ, các nhà kinh doanh nhảy vào cuộc để gánh vác trọng trách đó.

- Quyền sở hữu tài sản và tiền vốn của "ông chủ" sở hữu không còn giữ địa vị chi phối gần như tuyệt đối quá trình sản xuất và phân phối như trước, vì đã bị pha loãng bởi nhiều chủ sở hữu (nhà nước, tập thể và những tư nhân khác nhau); bởi vai trò của những chủ thể kinh doanh và doanh nhân với thực quyền sử dụng các yếu tố sở hữu vào sản xuất kinh doanh ngày càng rất lớn; bởi quyền của con người, của nhà nước và toàn xã hội. Do đó, sẽ không còn chỗ đứng cho những "ông chủ" sở hữu chỉ biết đưa tài sản và tiền vốn vào sản xuất, mà không đưa sức lao động - không làm gì cả cho sản xuất.

Như vậy xu thế hành động tất yếu của giới chủ kinh doanh là đưa cả tài sản, tiền vốn và sức lao động của mình, nhất là sức lao động trí tuệ để quản trị sản xuất kinh doanh. Sức lao động đó trực tiếp góp phần sáng tạo ra

giá trị thặng dư. Phần thu nhập từ phân phối giá trị thặng dư do công sức đó là chính đáng.

• Tài sản và tiền vốn có nguồn gốc từ lao động – là sản phẩm của lao động – lao động vật hóa, hàm chứa chất mới của khoa học kỹ thuật và công nghệ (là yếu tố của lực lượng sản xuất trực tiếp) đóng vai trò hết sức quan trọng của quá trình sản xuất. Không có tài sản và vốn sẽ không có nhà xưởng, máy móc thiết bị tốt, việc làm với năng suất lao động cao, và theo đó cũng không có sản xuất ra giá trị thặng dư. Trên thực tế, các yếu tố của tài sản và vốn – máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu tốt hay xấu, tiên tiến hay lạc hậu, hàm chứa khoa học kỹ thuật và công nghệ mới nhiều hay ít có tác động trực tiếp không chỉ đến việc tái tạo ra giá trị lao động tất yếu, mà cả đến sáng tạo ra giá trị thặng dư. Máy móc thiết bị, nguyên vật liệu xấu, lạc hậu, hàm chứa tiến bộ kỹ thuật ít mà đưa vào sản xuất thì có thể không có giá trị thặng dư, thậm chí giá trị lao động tất yếu cũng không tái tạo đủ, và ngược lại sẽ tạo ra nhiều giá trị thặng dư, thậm chí siêu ngạch nữa. Như vậy phần thu nhập của chủ sở hữu về vốn, theo vốn là chính đáng, không liên quan đến bóc lột. Điều đó đã được cuộc sống thực tế ở hầu hết các nước trên thế giới và cả nước ta thừa nhận. Đó là sự thừa nhận phân phối lợi nhuận cho vốn – theo vốn, thừa nhận lãi suất tín dụng...

• Với xu thế cổ phần hóa trong sự hình thành và phát triển hệ thống doanh nghiệp, theo đó có phần góp vốn của người lao động và người lao động cũng được phân phối một phần lợi nhuận cho vốn – theo vốn của họ.

• Trong kinh tế thị trường với sức mạnh văn hóa và vai trò nhà nước theo định hướng XHCN, nhà nước là người đại diện toàn dân – toàn xã hội, nên giá trị thặng dư phân phối cho nhà nước qua thuế là của xã hội, chứ không phải của giới chủ sở hữu tư bản của giai cấp tư sản.

Như vậy, việc sản xuất và phân phối giá trị thặng dư trong kinh tế thị trường hiện đại với sức mạnh văn hóa và vai trò của nhà nước theo định hướng XHCN đã, đang và sẽ khác rất nhiều so với trong kinh tế thị trường tư bản, nhất là kinh tế thị trường tư bản lúc sinh thời của Mác. Những sự khác

biệt đó tập trung vào việc cấu trúc lại các yếu tố đầu vào sáng tạo ra giá trị thặng dư và các kênh đầu ra phân phối giá trị thặng dư.

Các yếu tố tham dự vào việc sáng tạo ra giá trị thặng dư có:

- Sức lao động của lao động làm thuê

- Sức lao động của chủ kinh doanh

- Các yếu tố lao động vật hóa – tài sản và tiền vốn của chủ kinh doanh tư nhân và của các chủ sở hữu khác.

Các yếu tố trên chịu sự tác động hết sức mạnh mẽ và hàm chứa ngày càng nhiều tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Theo đó vị trí và mối quan hệ của các yếu tố cũng thay đổi theo hướng khẳng định dần lao động phức tạp với giá trị của nó là bội số của lao động giản đơn. Trong yếu tố lao động phức tạp đó, có phần lao động của chủ kinh doanh.

sản qua nhà nước.

+ Tài trợ các hoạt động cứu tế và văn hoá xã hội qua các cá nhân và tổ chức xã hội.

+ Thuế thu nhập qua nhà nước.

+ Chi tiền thưởng và phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp.

Phần còn lại sau điều tiết qua phân phối lại là phần thu nhập của chủ kinh doanh để tiêu dùng cá nhân và tích lũy tư bản. Chủ kinh doanh tư nhân có lý do chính đáng để được hưởng một phần, thậm chí toàn bộ khoản thu nhập đó, tùy theo mức độ tương thích với sự đóng góp của họ vào việc sáng tạo ra giá trị thặng dư.

- Mức thu từ cổ tức với giá trị tài sản và tiền vốn đưa vào sản xuất.

- Công sức lao động, nhất là lao động trí tuệ của họ bỏ vào để thực hiện các công việc quản trị kinh doanh (phần trả công lao động này lẽ ra phải



Giá trị thặng dư được phân phối cho các đối tượng với các khoản mục như sau:

- Phân phối lần đầu:

+ Toàn xã hội với các khoản thuế nộp qua nhà nước theo luật định.

+ Các cổ đông dưới hình thức cổ tức.

+ Chủ kinh doanh với phần còn lại sau thuế và cổ tức.

- Điều tiết qua phân phối lại phần giá trị thặng dư phân phối lần đầu của chủ kinh doanh được chuyển tiếp cho xã hội và người lao động qua các khoản mục sau:

+ Thuế thừa kế, sang nhượng tài

được thực hiện trước khi phân phối giá trị thặng dư, nhưng trên thực tế chưa làm nên phải được thực hiện trong phân phối giá trị thặng dư).

- Bù đắp rủi ro cho việc đầu tư kinh doanh.

Mức độ tương thích này có thể cảm nhận được trên cả hai khía cạnh định tính và định lượng của các mối quan hệ công sức đóng góp đầu vào sáng tạo ra giá trị thặng dư và thu nhập từ đầu ra phân phối giá trị thặng dư, trong sự tương quan với toàn bộ các yếu tố và đối tượng khác trong việc sản xuất và phân phối giá trị thặng dư.

Mức độ tương thích được xem xét

như vậy, có thể cho cảm nhận được thu nhập của chủ kinh doanh có hay không có, có nhiều hay ít những khoản thu nhập không chính đáng – thu nhập từ sự tước đoạt của những đối tượng khác – thu nhập mang tính bóc lột.

Trên thực tế, với may rủi trong kinh doanh và mức độ hoàn thiện của hệ thống phân phối (có sự chi phối từ vai trò người lao động, quản lý nhà nước và xã hội), khoản thu nhập của chủ kinh doanh so với độ tương thích chuẩn có thể rơi vào một trong ba tình huống sau:

- Thu nhập ngang bằng với độ tương thích chuẩn-hợp lý, không có bóc lột.

- Thu nhập lớn hơn độ tương thích chuẩn – có phần không hợp lý, có phần bóc lột.

- Thu nhập nhỏ hơn độ tương thích chuẩn – có phần không hợp lý, không có phần bóc lột, nhưng thiếu kích thích đầu tư kinh doanh của giới chủ kinh doanh.

Vì mục tiêu tăng trưởng, phát triển và tăng trưởng phát triển trong sự công bằng tiến bộ xã hội, chúng ta chọn và phấn đấu hoàn thiện hệ thống phân phối nhằm đạt tới độ chuẩn đầy đủ và hợp lý theo tính hướng thứ nhất.

Từ những điều đã trình bày ở trên, có thể cho chúng ta một số nét cảm nhận như sau về sản xuất và phân phối giá trị thặng dư:

- Trong kinh tế thị trường hiện đại, với sức mạnh văn hóa và vai trò của nhà nước theo định hướng XHCN, việc sản xuất và phân phối giá trị thặng dư nói chung và trong khu vực kinh tế tư nhân có thể nhận công nói riêng được thực hiện trong sự phát triển cao của lực lượng sản xuất và xã hội hóa sản xuất. Không phải chỉ có lao động làm thuê sáng tạo ra giá trị thặng dư và không phải chỉ có chủ kinh doanh chiếm đoạt giá trị thặng dư, mà ngoài yếu tố lao động làm thuê, còn có lao động của giới chủ kinh doanh, yếu tố lao động vật hóa góp phần sáng tạo ra giá trị thặng dư và ngoài phần chia cho giới chủ kinh doanh, còn có phần chia cho xã hội và cho người lao động trong phân phối giá trị thặng dư.

- Việc phân phối và phân phối lại giá trị thặng dư có mang lại một khoản thu nhập cho các đối tượng thụ hưởng mang tính chất chính đáng – không phải tước đoạt của người khác, không bóc lột vì phân phối có được đặt trong

quan hệ tương thích với sự đóng góp đầu vào sáng tạo ra giá trị thặng dư.

- Trong kinh tế thị trường với sức mạnh văn hóa và vai trò của nhà nước theo định hướng XHCN, việc chấp nhận sở hữu tư nhân và sử dụng lao động làm thuê trong kinh doanh không nhất thiết gắn với bóc lột. Vấn đề là hệ thống quản lý phân phối và phân phối lại giá trị thặng dư có được hoàn thiện hay không, những tệ nạn tiêu cực trong kinh tế có hạn chế và khắc phục được hay không. Có mấy yếu tố có vai trò đặc biệt quan trọng liên quan đến sự hoàn thiện của hệ thống quản lý phân phối là: phát triển toàn diện yếu tố con người và năng lực đầu tư của số đông dân chúng, để cùng chi phối quá trình sáng tạo và phân phối giá trị thặng dư. Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển nhanh mạnh khu vực kinh tế hỗn hợp, để tạo sự thỏa hiệp và đồng thuận xã hội cao trong phân phối giá trị thặng dư. Nhà nước phải đủ mạnh để nắm vai trò chi phối có tính chủ đạo việc phân phối và phân phối lại giá trị thặng dư. Hạn chế và hướng tới loại bỏ các tệ nạn tham nhũng, gian lận trong phân phối, nhất là phân phối lại giá trị thặng dư.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý phân phối và đẩy lùi những tệ nạn tiêu cực trong kinh tế, không dễ dàng làm được trong ngày một ngày hai của tiến trình phát triển. Do đó chưa thể xóa bỏ ngay được bóc lột, phải chấp nhận bóc lột có mức độ, vì dù rằng bóc lột là điều không tốt, song thất nghiệp, đình đốn, nghèo khổ còn nguy hại hơn nhiều.

Kết luận

Với những nhận thức lý luận, như đã trình bày trên đây, có thể rút ra một số kết luận:

Quan điểm “Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo đảm quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp. Nền kinh tế có nhiều thành phần với nhiều dạng sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển có hiệu quả nền sản xuất xã hội. Mọi đơn vị kinh tế, không phân biệt quan hệ sở hữu đều hoạt động theo cơ chế tự chủ kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau bình đẳng trước pháp luật”(*) của Đảng là có cơ sở khoa học, phù hợp với luận thuyết phát triển theo định hướng XHCN.

Về lý luận và thực tiễn từ đổi mới, cho thấy rằng khu vực kinh tế tư nhân hoặc có yếu tố sở hữu tư nhân (bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân và kinh tế hợp tác có yếu tố sở hữu tư nhân) là một bộ phận trong chính thể nền kinh tế quốc dân. Khu vực kinh tế tư nhân hoặc có yếu tố sở hữu tư nhân có vị trí và vai trò không thể thiếu được trong sự nghiệp phát triển vì “Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh”, vì:

- Góp phần tạo tăng trưởng và phát triển kinh tế (tăng GDP, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng nguồn thu ngân sách ...)

- Tạo việc làm và thu nhập, cải thiện đời sống cho đại chúng.

- Huy động và phát huy có hiệu quả nguồn lực của dân.

- Giảm thiểu được tham nhũng, lãng phí làm thất thoát kinh tế, nhất là đối với khu vực kinh tế tư nhân.

Đảng viên với tư cách là bộ phận tiên phong của giai cấp và dân tộc cần phải phát huy vai trò của mình trong việc thực hiện quan điểm, chủ trương phát triển kinh tế đó của Đảng. Và trên thực tế không ít Đảng viên đã làm điều đó, cần tạo điều kiện và khuyến khích để có nhiều Đảng viên làm kinh tế và làm kinh tế tốt hơn chính bằng ý chí và năng lực của mình.

Đảng viên làm kinh tế tư nhân cũng có nghĩa là đảng viên được rèn luyện và trưởng thành lên từ môi trường phát triển kinh tế tư nhân hoặc có yếu tố sở hữu tư nhân giúp cho Đảng và Nhà nước có nguồn cán bộ bổ sung vào hệ thống tổ chức, nhân sự của Đảng và Nhà nước đủ tầm với yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế nói chung và kinh tế khu vực tư nhân nói riêng.

Tạo điều kiện và khuyến khích Đảng viên làm kinh tế tư nhân và trở thành doanh nhân khu vực kinh tế tư nhân không có nghĩa là không có ranh giới gì với tư cách lãnh đạo và quản lý khi được Đảng và Nhà nước chọn lựa bổ sung vào hệ thống nhân sự của tổ chức Đảng và Nhà nước. Ranh giới đó được xử lý bằng quy chế công chức và quy định của hệ thống tổ chức lãnh đạo của Đảng ■

Ghi chú

(*) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000, trang 8, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, năm 1991.